TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/KDTM-ST
Ngày: 24-7-2020
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Ngọc Sương;
2. Bà Nguyễn Kim Hoa.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Cảnh Khang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Hiền, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 16/2020/TLST-KDTM ngày 10 tháng 3 năm 2020 về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-KDTM ngày 23 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH JV; trụ sở: Phòng x, tầng y, Tòa nhà KH, E, khu đô thị mới CG, phường MT, quận NTN, Thành phố Hà Nội. Người đại diện hợp pháp: Ông Châu Tuấn H, sinh năm 1989; địa chỉ: abc, phòng q, lầu m, NTN, phường BT, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh - Giấy ủy quyền số 24.12/UQ-JGC ngày 24/12/2019 của Tổng giám đốc Công ty. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH TGP; trụ sở: Số jk, Khu phố s, phường AP, thành phố TA, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị T, chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc; vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 31/12/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/02/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn do ông Châu Tuấn H đại diện trình bày:

Ngày 19/12/2018, Công ty TNHH JV (Sau đây gọi là nguyên đơn) và Công ty TNHH TGP (Sau đây gọi là bị đơn) có ký hợp đồng thanh lý tài sản số 1311/TLLV/JGC/2018. Theo đó nguyên đơn bán thanh lý cho bị đơn các loại hàng hóa

là đồng, cáp vỏ cao su và phế liệu sắt bao gồm các loại liên quan đến sắt. Tổng giá trị hợp đồng phụ thuộc vào khối lượng thực tế được xác nhận tại công trường, đã bao gồm vận chuyển, bốc xếp, cân đo các mặt hàng, vật liệu, công cụ, vật tư tiêu hao, thiết bị, thuế, phí, lợi nhuận và tất cả các chi phí khác.

Theo biên bản bàn giao hàng hóa và biên bản xác nhận khối lượng cùng ngày 25/12/2018, nguyên đơn đã bàn giao cho bị đơn số lượng hàng hóa có giá trị là 2.066.280.400 đồng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%. Tổng số tiền bị đơn phải thanh toán là 2.272.908.440 đồng. Ngày 25/12/2018, nguyên đơn đã xuất hóa đơn GTGT số 0000097 cho bị đơn, tổng số tiền bị đơn phải thanh toán là 2.272.908.440 đồng. Tuy nhiên, bị đơn chỉ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 2.066.280.400 đồng vào ngày 25/12/2018, còn nợ 206.628.040 đồng chưa thanh toán. Nhiều lần nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ còn lại nhưng bị đơn không hợp tác và không thanh toán cho nguyên đơn. Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ còn lại 206.628.040 đồng và tiền lãi 41.325.608 đồng do chậm thanh toán. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ là 206.628.040 đồng, không yêu cầu bị đơn trả lãi.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập người đại diện theo pháp luật của bị đơn để làm việc nhưng bị đơn không chấp hành và không có phản hồi gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An phát biểu: Về tố tụng, quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc tranh luận Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự không bị hạn chế quyền khi tham gia tố tụng; bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt là tự từ bỏ quyền chứng minh, tranh tụng của mình nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hình thức và nội dung của hợp đồng: Các đương sự lập hợp đồng thanh lý tài sản là không chính xác, thực chất giao dịch giữa các bên là hợp đồng mua bán hàng hóa. Tại Điều 1 của hợp đồng, các bên có thỏa thuận: "*Tổng giá trị hợp đồng phụ thuộc vào khối lượng thực tế được xác nhận tại công trường, đã bao gồm vận chuyển, bốc xếp, cân đo các mặt hàng, vật liệu, công cụ, vật tư tiêu hao, thiết bị, thuế, phí, lợi nhuận và tất cả các chi phí khác*" nhưng tại phần chi tiết lại ghi "*Giá không bao gồm thuế VAT 10%*" là mâu thuẫn nhau, gây ra sự hiểu lầm khi thực hiện hợp đồng. Tuy nhiên, theo quy định tại Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn thi hành thì người sử dụng hàng hóa, dịch vụ phải có nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng. Vì vậy, bị đơn là người mua hàng nên có nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng cho số hàng hóa đã mua, nguyên đơn là đơn vị đã nộp thay cho bị đơn nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tiền thuế nói trên.

Theo Công văn số 2657/CCT-KTr1 ngày 02/7/2020 của Chi cục Thuế thành phố Thuận An xác định bị đơn có sử dụng hóa đơn GTGT số 0000097 do nguyên đơn xuất ngày 25/12/2018 để kê khai thuế Quý 4/2018. Như vậy, có căn cứ cho rằng bị đơn mua hàng hóa của nguyên đơn với tổng giá trị là 2.272.908.440 đồng, mới thanh toán được số tiền 2.066.280.400 đồng, còn nợ 206.628.040 đồng. Do đó, có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa, tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Thuận An theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn bán hàng cho bị đơn có tổng giá trị là 2.272.908.440 đồng (Hai tỷ, hai trăm bảy mươi hai triệu, chín trăm lẻ tám nghìn, bốn trăm bốn mươi đồng) đã bao gồm thuế VAT. Tuy nhiên, bị đơn mới trả cho nguyên đơn được số tiền 2.066.280.400 đồng theo lệnh chuyển có ngày 25/12/2018; còn nợ 206.628.040 đồng, mặc dù nhiều lần nguyên đơn có công văn yêu cầu nhưng đến nay bị đơn chưa thanh toán.

Tại Công văn số 2657/CCT-KTr1 ngày 02/7/2020 của Chi cục Thuế thành phố Thuận An xác định bị đơn có sử dụng hóa đơn GTGT số 0000097 do nguyên đơn xuất ngày 25/12/2018 để kê khai thuế Quý 4/2018. Quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác nhận bị đơn đã thanh toán được số tiền 2.066.280.400 đồng (Hai tỷ, không trăm sáu mươi sáu triệu, hai trăm tám mươi nghìn, bốn trăm đồng) vào ngày 25/12/2018 theo hình thức chuyển khoản, hiện còn nợ số tiền 206.628.040 đồng (Hai trăm lẻ sáu triệu, sáu trăm hai mươi tám nghìn, không trăm bốn mươi đồng). Do đó, có căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa và bị đơn có nghĩa vụ phải thanh toán tiền mua hàng và tiền thuế giá trị gia tăng theo hóa đơn do nguyên đơn đã xuất. Trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với chứng cứ đã cung cấp, việc bị đơn không trả số tiền còn nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên mua quy định tại Điều 50, 55 của Luật Thương mại, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền mua hàng chưa trả là có căn cứ. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện nên được chấp nhận.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền mua hàng chưa thanh toán là 206.628.040 đồng (Hai trăm lẻ sáu triệu, sáu trăm hai mươi tám nghìn, không trăm bốn mươi đồng).

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn; bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 24, 50 và 55 của Luật Thương mại;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH JV đối với Công ty TNHH TGP về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH TGP phải thanh toán cho Công ty TNHH JV số tiền 206.628.040 đồng (Hai trăm lẻ sáu triệu, sáu trăm hai mươi tám nghìn, không trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật Công ty TNHH JV có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH TGP chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải trả thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thanh toán.

2. Về án phí:

Trả lại cho Công ty TNHH JV số tiền 6.198.841 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0046260 ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Công ty TNHH TGP phải chịu 10.331.402 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- Chi cục THADS Tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Trọng Quân